

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 15-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Điệp

Ông Nguyễn Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 105/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025 và theo Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Tòa án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh) đối với:

- **Bị cáo:** Dương Văn S, sinh ngày 21/11/2001; tại: tỉnh Khánh Hòa, số CCCD: 056201001138, cấp ngày 17/8/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý về Trật tự xã hội – Bộ C; nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn S1 và bà Lê Thị Ngọc A; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 19/02/2025, có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn Dũ L, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (xã L, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện tại: đường Đ, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), sđt 0389.067.583, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện tại: Nhà trọ Phạm

Văn K, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), sdt 0963906354, vắng mặt.

+ Ông Trần Mạnh L1, sinh năm 1992 và bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1990; cùng địa chỉ thường trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên); chỗ ở hiện tại: DC70, đường D, K, KP H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là DC70, đường D, K, KP H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), sdt 0973.256.707 (L1) - 0354.071.236 (P), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn S và anh Nguyễn Văn D L1 là bạn bè quen biết nhau do cùng làm chung tại Công trình xây dựng M, địa chỉ đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 16/8/2024, S mâu thuẫn với chủ thầu nên xin nghỉ việc và cần phương tiện để đi về phòng trọ tại địa chỉ số A, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) để lấy đồ dùng cá nhân nên S hỏi mượn anh L1 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vario 150, biển số 66N1 – 516.83 của anh L1 để về phòng trọ lấy đồ đến 17 giờ cùng ngày sẽ đem xe đến phòng trọ của anh L1 trả thì anh L1 đồng ý. Sau khi mượn được xe, S nhìn thấy bên trong cốp xe có 01 ví màu nâu, bên trong có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H, 01 căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn D L nên S lấy ra cất vào người.

Đến hẹn trả xe, anh L điện thoại cho S hỏi khi nào trả xe thì S hẹn tối sẽ trả nhưng S không trả xe mà điều khiển chiếc xe trên đến tiệm Nét, địa chỉ đường D, khu dân cư V, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để chơi game (đánh bạc trên mạng). Do thua hết tiền nên L đã cầm 01 giấy phép lái xe mô tô tên Nguyễn Văn D L cho chủ tiệm Nét được số tiền 1.500.000 đồng và chơi game hết số tiền này. Đến khoảng 12 giờ ngày 17/8/2024, do hết tiền để tiếp tục chơi game thì S nảy sinh ý định đem xe mô tô biển số 66N1 - 516.83 đi cầm cố để lấy tiền chơi game tiếp. Liên đó, S đến tiệm C1, địa chỉ Ô12, DC70, đường D, Khu dân cư V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp bà Trần Thị Kim P, là chủ tiệm cầm đồ, cầm chiếc xe mô tô trên lấy số tiền 3.500.000 đồng. Sau đó, S quay lại tiệm N tiếp tục chơi game và thua hết số tiền cầm được. Sầm quay lại tiệm cầm đồ gặp bà P và S đưa cho bà P 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn H để lấy thêm số tiền 3.500.000 đồng, có tiền S chuộc lại Giấy phép lái xe mô tô tên Nguyễn Văn D L mà S đã cầm trước đó cho chủ tiệm N, S tiếp tục chơi game và thua hết số tiền đã cầm. Sau đó, S tiếp tục quay lại tiệm cầm đồ gặp bà P đưa cho bà P 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn D L để lấy thêm số tiền 4.000.000 đồng, S lại tiếp tục chơi game và thua hết số tiền đã cầm, S quay lại tiệm cầm đồ gặp bà P lấy thêm số tiền 1.000.000 đồng. Lần này, S không chơi game nữa mà đón xe Grap đến Bến xe M tại Thành phố Hồ Chí Minh, rồi đón xe khách đến Cảng tàu thuộc huyện T, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và đón tàu đến huyện C,

thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) để làm thuê và cắt mọi liên lạc nhằm trốn tránh sự tìm kiếm của anh L.

Ngày 17/02/2025, S quay lại thành phố T, tỉnh Bình Dương để dự sinh nhật bạn thì biết được thông tin anh L tố cáo S đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên S đến Công an phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường B) đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y19, màu xanh, mặt kính trước bị vỡ nứt, IMEI 1: 86433040858218, IMEI 2: 864343040858200; 01 sim có số thuê bao 0776759254, 01 sim có số thuê bao 0862593808 (Do Dương Văn S giao nộp)

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vairo 150, số khung MH1KF412XMK210608, số máy KF41E2214709, biển số 66N1 – 516.83 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Văn H. 01 Biên nhận cầm đồ của Dịch vụ cầm đồ Mạnh L1. Tên Khách hàng Nguyễn Văn Vũ L2 (Nguyễn Văn Dũ L3) ngày cầm 17/8/2024. Vật cầm Vario 66N1 – 516.83. 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn Dũ L (bản chính). (Do Trần Mạnh L1 và Trần Thị Kim P giao nộp).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HDDGTS ngày 21/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vairo 150, màu đỏ-đen, số khung MH1KF412XMK210608, số máy: KF41E214709, biển số 66N1 – 516.83, trị giá: 37.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

- + Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vairo 150, số khung MH1KF412XMK210608, số máy KF41E2214709, biển số 66N1 – 516.83 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Văn H. Ngày 18/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B giao trả lại cho anh H, theo Quyết định định xử lý vật chứng số 1507/QĐ-VPCQCSĐT ngày 12/04/2025.

- + Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn Dũ L, ngày 18/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B giao trả lại cho anh Nguyễn Văn Dũ L, theo Quyết định định xử lý vật chứng số 1507/QĐ-VPCQCSĐT ngày 12/04/2025.

- + Đối với 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y19, màu xanh, mặt kính trước bị vỡ nứt, IMEI 1: 86433040858218; IMEI 2: 864343040858200 và 01 sim có số thuê bao 0776759254, 01 sim có số thuê bao 0862593808. Quá trình điều tra, xác định: Đây là tài sản của S không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, để đề nghị trả lại cho S.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Dũ L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; ông Trần Mạnh L1 và bà Trần Thị Kim P không yêu cầu S trả lại số tiền đã bỏ ra cầm cố xe cho S nên không xem xét giải quyết.

Đối với ông Trần Mạnh L1 và bà Trần Thị Kim P là chủ tiệm C1. Quá trình điều tra, xác định: ông L1, bà P nhận cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 66N1 - 516.83 nhưng không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông L1, bà P.

Tại Bản Cáo trạng số 110/CT-VKSTDM ngày 09/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Dương Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn S mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y19, màu xanh, mặt kính trước bị vỡ nứt, IMEI 1: 86433040858218; IMEI 2: 864343040858200 và 01 sim có số thuê bao 0776759254, 01 sim có số thuê bao 0862593808 do tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo S.

- Về trách nhiệm dân sự: Không

- Bị cáo Dương Văn S thống nhất Cáo trạng và Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn các quyết định tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Do đó, Tòa xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của ông Trần Mạnh L1 và bà Trần Thị Kim P là chủ tiệm C1. Quá trình điều tra, xác định: ông L1, bà P nhận cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 66N1- 516.83 nhưng không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông L1, bà P là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc cầm cố tài sản, ông L1, bà P thực hiện không đúng quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B có Công văn số 3973 ngày 13/5/2025 đề nghị Công an phường T, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hành vi mượn xe mô tô trị giá 37.000.000 đồng của anh L1, đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân và bỏ trốn mà bị cáo Dương Văn S thực hiện đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây hoang mang lo lắng cho người bị hại. Bản thân bị cáo là thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, nhưng không cố gắng lao động kiếm tiền để nuôi sống bản thân và gia đình, chỉ vì tham chơi, tư lợi, lười biếng lao động đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục; đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa loại tội phạm tương tự xảy ra trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự giác ra đầu thú, có nhân thân tốt được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đôi chiếu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo với giá trị tài sản chiếm đoạt và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo chưa nghiêm khắc, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, chiếc điện thoại di động hiệu ViVo Y19, màu xanh, mặt kính trước bị vỡ nứt, IMEI 1: 86433040858218; IMEI 2: 864343040858200 và 01 sim có số thuê bao 0776759254, 01 sim có số thuê bao 0862593808, là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo S chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 106, các điều 136, 260, 268, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn S 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo ra đầu thú và tạm giam 19/02/2025.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại bị cáo Dương Văn S 01 chiếc điện thoại di động hiệu ViVo Y19, màu xanh, mặt kính trước bị vỡ nứt, số IMEI 1: 86433040858218; IMEI 2: 864343040858200 và 01 sim có in số 8984048000058594203 không kiểm tra được số thuê bao và 01 sim có in số 8401240312065556 không kiểm tra được số thuê bao

(theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 141.25 ngày 23/6/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Dương Văn S chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV15- TP.HCM;
- Phòng PV06-CA TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Phân trại tạm giam khu vực TDM;
- Người TGTT;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình